

**FORMER POLITICAL PRISONERS OF
COMMUNIST VIET NAM ASSOCIATION
HOI CUU TU NHAN CHINH TRI CONG SAN VIET NAM**
A California Non Profit Corporation/1380287-A501(c)(3) Organization/9581 168025

P.O.BOX 635, Westminster, California 92684-635
Telephone: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYEN MAI XUAN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: M Date of Birth 26/12/1933 Place of birth My Tho, Viet Nam
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit Thiếu tá, Quân Trại Đắc Tring, Chông Thiên
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) Việt Nam

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 6/20/1975
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Vĩnh Phú, Xuân Lát, và ...?
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 7/20/1984
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children Wife: Trần Thị Hải
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
Các con: Đức Mỹ, Mai Hoàng, Đức Liêm, Đức Thành
Mai Trần, Hồng Nhung, Nguyễn Phương, Đức
3. Address of family: Thôn 15/2, Hưng Việt, K. 2 P. 1, Thị xã Sa Dec
(Địa chỉ gia đình) Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN XUAN THONG Occupation: Electronic Assembler
(Họ và tên) (Nghề-nhiệm)
2. Address and phone number:
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee Cousin
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☒ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 6/12/1989
(Ngày, tháng, năm)

.....
Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

BỘ NỘI VỤ
TRẠI XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập tự do hạnh phúc

Số 001-QLTĐ Lm
hành theo công văn
số 2565 ngày 27
tháng 11 năm 1972

Số: 484 GRT

10/01/13/7/8/1/6/9/1/2/

SMSLD

TIẾP RA TRẠI

Theo thông tư số 066-PCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
thi hành án và quyết định tha số 302/30 ngày 26 tháng 06 năm 84
của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN MẠI XUÂN sinh năm 1933

Các tên gọi khác:

Nơi sinh: Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

115/2 Nguyễn Tri Phương, Sàdec, Đồng Tháp

Can tội: Thiếu tá sỹ quan kiểm tra

Bị bắt ngày: 20/6/1975

Án phạt: TTOT

Theo quyết định, án vắng: / ngày / tháng / năm / của /

Đã bị tăng án / lần, cộng thành / năm / tháng /

Đã được giảm án / lần, cộng thành / năm / tháng /

Nay về cư trú tại: 115/2 Nguyễn Tri Phương, Sàdec, Đồng Tháp

Nhận xét quá trình cải tạo:

(Quản chế: 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã
trước ngày 14 tháng 08 năm 1984

Lãnh sự ngôn trở phải

của: Nguyễn Mại Xuân

Định bản số:

Lập tại:

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

(chữ ký tên)

/)/ ngày 28/07/1984

Giám thị

(chữ ký tên và đóng dấu)

(Dẫn lần tay)

Nguyễn Mại Xuân

Thượng tá: Trịnh Văn Tháo

SAO LUB S&S 12/5/1984

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Thị trấn Sàdec, Đồng Tháp

Questionnaire for O.D.P. applicants

Date 1.10.1988

A - BASIC IDENTIFICATION

1. Name : NGUYỄN - MAI - XUÂN
2. Other names : none
3. Date / Place of birth : 26. Feb. 1933 Vinh Kim - Mytho.
4. Residence address : 115/2 Hùng Vương K.2 - P1 Thị xã Sàigòn
5. Mailing address : - ut -

B - RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	US	Relationship
Đặng thị Hai	1937	Mylong - Cao Lãnh	F	M.	Wife
Nguyễn mai duy Mỹ	28. 2. 1957	Tân Phú Đông - Sàigòn	M.	M.	Son
Nguyễn thị mai Hương	25. 10. 1962	Phước Ninh Khánh Hòa	F.	S.	Daughter
Nguyễn mai duy Liêm	28. 10. 1964	Tân Vinh Hòa Sàigòn	M.	S.	Son
Nguyễn mai duy Thanh	5. 1. 1967	Vĩnh Hải Khánh Hòa	M.	S.	Son
Nguyễn thị mai Trinh	18. 3. 1969	Tân Vinh Hòa Sàigòn	F.	S.	Daughter
Nguyễn thị mai Hồng Nhung	31. 10. 1971	- ut -	F.	S.	Daughter
Nguyễn mai thị Mỹ Phước	26. 5. 1975	Tân Phú Đông Sàigòn	F.	S.	Daughter
Nguyễn thị Ngọc Yên	1964	Mylong - Cao Lãnh	F.	M.	daughter-in-law
Nguyễn mai Vĩnh Quang	4. 12. 1986	Thị xã Sàigòn	M.	S.	paternal grandson

C - RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

Son: Nguyễn mai duy Thông

D - COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead)

1. Father: Nguyễn văn Quân 1910 (dead)
2. Mother: Nguyễn thị Mạnh 1911 (dead)
3. Spouse: Đặng thị Hai 1937 (living) 115/2 Hùng Vương - Sàigòn
4. Former spouse: None

5. Children:

Nguyễn mai duy Mỹ 1957 (living) 87 2A Khu 3 Phường 1 TX Sàigòn
 Nguyễn thị mai Hương (living) 4/3 Khu 4 Phường 2 TX Sàigòn
 Nguyễn mai duy Liêm (living) - ut -
 Nguyễn mai duy Thanh (living) - ut -
 Nguyễn thị mai Trinh (living) - ut -
 Nguyễn thị mai Hồng Nhung (living) - ut -
 Nguyễn mai thị Mỹ Phước (living) 115/2 Hùng Vương Sàigòn

E - EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR NIZATIONS of you OR YOUR SPOUSE :

NONE

R US. OR

F. SERVICE WITH RAFVN by you:

1. Name of person serving: Nguyễn mai Xuân
2. Date 1.9.55 to 20.4.1975
3. Last rank: Thiếu tá Hiền dịch - Serial number: 53/102.530
4. Ministry / Military unit: Chief district of Đức Long - Sector Chuông Thiên
5. Name of supervisor / co: Colonel Hồ Ngọc Cẩn
6. Reason for leaving:
7. Names of American advisor:
Captain Albright - Major Taylor - Colonel Meese.
8. US awards:
1969 - Bronze star with "V"
1970 - Bronze star with "V"
1972 - Army Commendation with "V"

G. TRAINING OUTSIDE VN of you:

- Name of student / trainee: Nguyễn mai Xuân
- School and school address:
1957 - Infantry course in school field 15th Division Honolulu.
1962 - Jungle warfare school Johore bazar of British school Malaysia.
- Who paid for training: US. government.

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation - Nguyễn mai Xuân
2. Total time in reeducation - 9 years and two months (9 2 months)

Signature

Xuan

Date 1.10.1988

**FORMER POLITICAL PRISONERS OF
COMMUNIST VIET NAM ASSOCIATION**

HỘI CƯ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

A California Non Profit Corporation/1380287-A501(c)(3) Organization/9581 168025

P.O.BOX 635, Westminster, California 92684-635

Telephone: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYEN MAI XUAN

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: ...M... Date of Birth 2/26/23 Place of birth Mỹ Tho, VIETNAM

(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit Thiếu tá, Quân Trường Địch Trung, Tỉnh Chông Thìn

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 30-4-1975

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Vĩnh Phú và ... (Không rõ)

(Tên, địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: ngày 28 tháng 7 năm 1984

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married

(Cố gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: (Vợ) Đặng Thị Hải

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

(Các con) Nguyễn Mai Duy, Mai Hùng, Duy Hòa, Duy Thịnh, Mai Tuấn, Mai Phương

3. Address of family: 115/2 Hùng Vương, Sa Đéc, Đồng Tháp Việt Nam

(Địa chỉ gia đình)

D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN XUAN THONG Occupation: Electronic Assembler

(Họ và tên)

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: Cousin (Bạn dì ruột)

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA: Permanent resident ☒ US citizen ☐

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released) Yes ☒ No ☐

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Date: 4-22th 1989

(Ngày, tháng, năm)

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

Đính kèm: 1/ Sơ yếu lý lịch Tù Nhân
2/ Giấy xuất trại tù

Questionnaire for C.D.P. applicants

Date: 1.10.1988

A - BASIC IDENTIFICATION

1. Name : NGUYEN - MAI - XUAN
2. Other names : none
3. Date / Place of birth : 26. Feb 1933 Vinh Kim - Mytho.
4. Residence address : 115/2 Hung Vuong K.2 - P4 Thi xa Sadec
5. Mailing address : - ut -

B - RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
Đặng thị Hai	1937	Mylong - Cao Lãnh	F	M.	Wife
Nguyễn mai duy Mỹ	28.2.1957	Tân Phú Đông - Sadec	M.	M.	Son
Nguyễn thị mai Hương	25.10.1962	Phước Mỹ - Khốnh Hòa	F.	S.	Daughter
Nguyễn mai duy Liêm	28.10.1964	Tân Vinh Hòa - Sadec	M.	S.	Son
Nguyễn mai duy Thành	5.1.1967	Vĩnh Hải - Khốnh Hòa	M.	S.	Son
Nguyễn thị mai Trinh	18.3.1969	Tân Vinh Hòa - Sadec	F.	S.	Daughter
Nguyễn thị mai Hồng Nhung	31.10.1971	- ut -	F.	S.	Daughter
Nguyễn mai thị Mỹ Phượng	26.5.1974	Tân Phú Đông - Sadec	F.	S.	Daughter
Nguyễn thị Ngọc Yến	1964	Mylong - Cao Lãnh	F.	M.	daughter-in-law
Nguyễn mai bình Quang	4.12.1986	Thị xã Sadec	M.	S.	paternal grandson

C - RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Son: Nguyễn mai duy Thông

D - COMPLETE FAMILY LISTING (living / dead)

1. Father: Nguyễn văn Guân 1910 (dead)
2. Mother: Nguyễn thị Mạnh 1911 (dead)
3. Spouse: Đặng thị Hai 1937 (living) 115/2 Hung Vuong - Sadec
4. Former spouse: none
5. Children:
 - Nguyễn mai duy Mỹ 1957 (living) 87/2A Khu 3 Phường 1 TX Sadec
 - Nguyễn thị mai Hương (living) 4/3 Khu 4 Phường 2 TX Sadec
 - Nguyễn mai duy Liêm (living) - ut -
 - Nguyễn mai duy Thành (living) - ut -
 - Nguyễn thị mai Trinh (living) - ut -
 - Nguyễn thị mai Hồng Nhung (living) - ut -
 - Nguyễn mai thị Mỹ Phượng (living) 115/2 Hung Vuong Sadec

E - EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS of you or your spouse :

NONE

F. SERVICE WITH RAFVN by you:

1. Name of person serving: Nguyễn mai Xuân
2. Date 1.9.55 to 30.4.1975
3. Last rank: Thiếu tá Hiền tích - Serial number: 53/102.530
4. Ministry / Military Unit: Chief district of Đức Long - Sector (huyện) Thuận
5. Name of supervisor / co: Colonel Hồ Ngọc Cẩn
6. Reason for leaving:
7. Names of American advisors:
Captain Albright - Major Taylor - Colonel Meese.
8. US awards:
1969 - Bronze star with "V"
1970 - Bronze star with "V"
1972 - Army Commendation with "V"

G. TRAINING OUTSIDE VN of you:

- Name of student / trainee: Nguyễn mai Xuân
- School and school address:
1957 - Infantry course in school field 25th Division Hômdinh.
1967 - Jungle warfare school Johore Bahru of British school Malaysia.
- Who paid for training: U.S. government.

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation: Nguyễn mai Xuân
2. Total time in reeducation: 9 years and two months (9 1/2 years)

Signature

Xuan

Date 1.10.1988

BỘ NỘI VỤ
TRẠI XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập tự do hạnh phúc

Số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số: 484/GHT

10/01/37/8/1/01/1/2/

SHSL

TIẾP RA TRẠI

Theo thông tư số 066-PCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:
Thi hành án văn quyết định tha số 302/QĐ ngày 26 tháng 06 năm 84 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN HAI XUÂN sinh năm 1933

Các tên gọi khác: /

Nơi sinh: Mỹ Tho

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

115/2 Nguyễn Tri Phương, Sàdec, Đồng Tháp

Cán tại: Thiếu tá sỹ quan kiểm tra

Bị bắt ngày: 20/6/1975 Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án văn số: / ngày / tháng / năm / của /

Đã bị tăng án / lần, cộng thành / năm / tháng /

Đã được giảm án / lần, cộng thành / năm / tháng /

Nay về cư trú tại: 115/2 Nguyễn Tri Phương, Sàdec, Đồng Tháp

Nhận xét quá trình cải tạo:

(Quản chế: 12 tháng)

ĐƠN XÉT CỦA QUẢN TRỊ TRƯỞNG

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã:
trước ngày 14 tháng 06 năm 1984

Người giám sát trở phải

của: Nguyễn Mai Xuân

Thanh bản số:

Lập tại:

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

(chữ ký tên)

/)/ ngày 28/07/1984

Giám thị

(chữ ký tên và đóng dấu)

(Đã lần tay)

Nguyễn Mai Xuân

Thượng tá: Trịnh Văn Thúc

SAO LUC. Số 10.56/SYUB

Thị trấn Mỹ Tho, huyện Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho

Thị trấn Mỹ Tho, huyện Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho

Chức vụ: Phó

Trần Văn Chợt